

Số: 31 /NQ-HĐND

U Minh Thượng, ngày 12 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện U Minh Thượng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG
KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện U Minh Thượng; Báo cáo thẩm tra số 40/BC-BKT-XH, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ban kinh tế - xã hội HĐND huyện, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện U Minh Thượng, nội dung cụ thể như sau:

- 1.** Chỉ tiêu sử dụng đất (kèm theo biểu 06/CH).
- 2.** Danh mục công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 35 công trình, dự án, tổng diện tích 164,33 ha (kèm theo biểu 10). Trong đó:
 - Có 07 dự án công trình đăng ký mới trong năm 2024 với tổng diện tích là 73,01 ha (kèm theo biểu 03).
 - Có 28 công trình, dự án chuyển tiếp thực hiện trong KHSĐĐ năm



2024 với tổng diện tích là 91,32 ha. Trong đó có 04 công trình đã thực hiện xong 01 phần (thu hồi đất) chuyển sang giao đất (kèm theo biểu 02).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực, hai Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng, Khóa III, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận: *ucl*

- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- VP. HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT HU, TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh đơn vị huyện U Minh Thượng;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Thắng



KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 37 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện U Minh Thượng)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính					
				Xã An Minh Bắc	Xã Minh Thuận	Xã Thạnh Yên	Xã Thạnh Yên A	Xã Vĩnh Hòa	Xã Hòa Chánh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(10)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Diện tích tự nhiên		43,270.13	13,376.31	15,270.55	3,831.42	3,304.17	2,991.69	4,495.98
I	Đất nông nghiệp	NNP	40,516.49	12,916.95	14,672.34	3,340.71	2,896.25	2,726.83	3,963.40
	Trong đó:								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	19,866.46	2,935.85	6,352.10	2,747.56	2,434.88	2,193.85	3,202.22
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	12,330.72	705.95	3,756.43	2,031.83	1,866.36	2,153.19	1,816.97
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	7,535.74	2,229.90	2,595.66	715.74	568.52	40.67	1,385.25
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7,595.16	3,027.54	4,139.96	221.61	14.15	34.35	157.54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,337.31	843.69	575.43	369.65	447.22	497.67	603.64
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	433.09	251.62	181.47				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	8,009.46	4,593.79	3,415.67				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1,245.28	1,237.58	7.70				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS							
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	29.72	26.88		1.88		0.96	
2	Đất phi nông nghiệp	PNP	2,753.64	459.36	598.21	490.71	407.92	264.86	532.58
	Trong đó:								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	9.30			3.40	5.90		
2.2	Đất an ninh	CAN	9.79	6.28			3.35	0.10	0.06
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2.68	0.94	0.38	0.76	0.37	0.12	0.12
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0.02		0.02				
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							



STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính						
				Xã An Minh Bắc	Xã Minh Thuận	Xã Thạnh Yên	Xã Thạnh Yên A	Xã Vĩnh Hòa	Xã Hòa Chánh	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,179.68	178.40	312.94	246.39	147.11	97.40	197.44	
	Trong đó:									
-	Đất giao thông	DGT	560.12	111.74	129.05	72.67	87.70	55.11	103.84	
-	Đất thủy lợi	DTL	531.30	47.52	156.66	150.92	55.32	34.50	86.37	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5.34	1.50	2.50	0.40		0.68	0.26	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5.92	0.36	0.16	4.73	0.17	0.14	0.36	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	35.07	5.45	7.19	10.51	3.05	5.70	3.17	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT								
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0.68			0.68				
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1.43	0.80	0.23	0.23	0.05		0.12	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG								
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	26.84	11.03	14.72	1.09				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3.40			3.40				
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4.67		1.44	0.25		0.31	2.67	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.40				0.81	0.59		
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH								
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH								
-	Đất chợ	DCH	3.50		0.99	1.49		0.37	0.64	
2.1	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.1.1	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1.44	0.06	0.06			1.23	0.09	
2.1.2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9.32	9.32						
2.1.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	639.50	75.46	139.10	97.06	81.80	130.65	115.44	
2.1.4	Đất ở tại đô thị	ODT								
2.1.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17.88	15.68	0.29	0.42	0.36	0.45	0.67	
2.1.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1.96	1.96						
2.1.7	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.1.8	Đất tín ngưỡng	TIN	0.28			0.09			0.19	
2.1.9	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	879.24	168.72	145.42	142.59	169.03	34.91	218.58	
2.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC								
2.2.1	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2.54	2.54						



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính					
				Xã An Minh Bắc	Xã Minh Thuận	Xã Thạnh Yên	Xã Thạnh Yên A	Xã Vĩnh Hòa	Xã Hòa Chánh
3	Đất chưa sử dụng	CSD							
2	Đất khu kinh tế	KKT							
3	Đất đô thị	KDT							
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNV	23.263.19	4.577.18	8.471.83	2.623.09	2.327.73	2.685.21	2.578.15
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	9.687.84	6.082.99	3.604.85				
6	Khu du lịch	KDL							
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT							
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC							
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC							
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	0.94	0.94					
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	2.68	0.94	0.38	0.76	0.37	0.12	0.12
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	639.50	75.46	139.10	97.06	81.80	130.65	115.44
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON							

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Biểu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN U MINH THƯỢNG
(Kèm theo Nghị quyết số 32 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện U Minh Thượng)

STT	Hạng mục		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh								
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh								
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội và lợi ích quốc gia, cộng đồng								
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất								
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất								
II	Các công trình dự án còn lại								
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		72.37	1.50	70.87				
*	Đất giao thông (DGT)		1.68	1.50	0.18				
1	Cầu U Minh Thượng trên đường 965	DGT	1.68	1.50	0.18	LUC/DGT	Thanh Yên		Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2023
*	Đất công trình năng lượng		0.68	0.00	0.68				

STT	Hạng mục		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
2	Trạm 110KV U Minh Thượng và đường dây 110kV đầu nối	DNL	0.68	0.68		LUC: 0,53ha; CLN: 0,15ha	Thành Yên		- Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất LUK thêm 0,19 ha theo Biên bản làm việc về việc bàn giao mốc theo phương án đề xuất của PC Kiên Giang Công trình: Trạm 110KV U Minh Thượng và Đường dây 110KV NRDN trạm 110KV U Minh Thượng; - Công văn số 2287/UBND-KT của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 20 tháng 11 năm 2023 V/v bổ sung diện tích thu hồi và điều chỉnh vị trí Trạm 110KV U Minh Thượng và đường dây 110KV NR đầu nối trạm 110KV U Minh Thượng; - Mặt bằng khảo sát
*	Đất thủy lợi		70.01	0.00	70.01				- Đăng ký mới 2024 - Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thông nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng; - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023.
3	Hồ nước Xẻo Kề kết hợp bãi chứa đất nạo vét và kênh thủy lợi thoát nước	DTL	60.0	60.0		LUC: 48,0 CLN: 11,7 ONT: 0,3	xã Thành Yên	Mặt bằng tổng thể vị trí hồ chứa nước Xẻo Kề, Bãi chứa đất và Kênh Đào Mới	- Đăng ký mới 2024 - Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thông nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng; - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023.
4	Trạm cấp nước xã Minh Thuận 2	DTL	0.35	0.35		LUC: 0,27 CLN: 0,08	Xã Minh Thuận	Mặt bằng vị trí trạm cấp nước Minh Thuận 2	- Đăng ký mới 2024 - Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thuận về việc thông nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thuận; - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thuận, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023.



STT	Hạng mục		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
5	Trạm cấp nước Vĩnh Hòa	DTL	0.26		0.26	LUC: 0,23 CLN: 0,03	Xã Vĩnh Hòa	Mặt bằng vị trí trạm cấp nước Vĩnh Hòa	- Đăng ký mới 2024 - Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng. - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việcđăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023.
6	Dự án Bồi đắp đất nạo vét kênh Xẻo Cạn huyện U Minh Thượng	DTL	9.00		9.00	LUC: 9,0	Xã Thạnh Yên		- Đăng ký mới 2024 - Thông báo số 70/TB-VP ngày 07/02/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nhân tại buổi làm việc nghe báo cáo khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện dự án ICRSL và hệ thống điện lưới để vận hành các công trình tuyến đê biển An Biên, An Minh - Thông báo số 491/TB-VP ngày 26/05/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nhân tại buổi khảo sát thực địa dự án Nạo vét kênh Xẻo Cạn và đầu tư một số hạng mục thuộc Vườn Quốc gia U Minh Thượng
7	Trạm bơm tăng áp số 1	DTL	0.40		0.40	CLN	Vĩnh Hòa		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		0.96	0.00	0.96				
	Đất nông nghiệp khác		0.96		0.96				
1	Chuyển mục đích trang trại chăn nuôi	NKH	0.96		0.96	LUC: 0,79ha; CLN: 0,17ha	Vĩnh Hòa		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023
2.3	Công trình giao đất		84.86	56.24	28.62				
*	Đất quốc phòng (CQP)								



STT	Hạng mục		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số; trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã)	Pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
9	Trường bản U Minh Thượng	CQP	3.40		3.40	LUK	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023
*	Đất an ninh (CAN)								
10	Trụ sở làm việc công an xã Minh Thuận	CAN	0.19	0.19		CAN	Minh Thuận		Chuyển tiếp KHSDB năm 2021
*	Đất công trình bưu chính, viễn thông								
11	3 Xây dựng trụ anten dây co 42M, thay thế trụ cũ yếu trạm Viễn Thông Minh Thuận-U Minh Thượng-VNPT Kiên Giang năm 2022	DBV	0.02		0.02	TSC: 0,02	Xã Minh Thuận	Tờ trích đo địa chính số: TD 155-2022 (128-147) do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang duyệt ngày 28 tháng 10 năm 2022.	Quyết Định số:2257/QĐ-VNPTKG ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tập đoàn Bưu Chính - Viễn Thông Việt Nam về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng trụ anten dây co 42M, thay thế trụ cũ yếu trạm Viễn Thông Minh Thuận-U Minh Thượng-VNPT Kiên Giang năm 2022.
12	4 Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (Viễn thông U Minh Thượng)	DBV	0.28	0.28		DBV	An Minh Bắc		Chuyển tiếp KHSDB năm 2021
*	Đất xây dựng cơ sở văn hóa								
13	5 Khu lưu niệm Sứ Chi huy các lực lượng vũ trang tỉnh Kiên Giang	DVH	8.54	8.54		DVH	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2021
14	6 Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện U Minh Thượng	DVH	3.20	3.20		DVH	An Minh Bắc		Chuyển tiếp KHSDB năm 2021
*	Đất xây dựng cơ sở y tế								
15	7 Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng	DYT	4.57		4.57	LUC	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2021
*	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo								
16	8 Trường Mầm non Hoa Mai	DGD	1.82	1.82		DGD	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2022
17	9 Trường Mầm non Vĩnh Hòa	DGD	0.08	0.08		DGD	Vĩnh Hòa		Chuyển tiếp KHSDB năm 2021
18	10 Trường tiểu học Phạm Văn Hôn	DGD	1.34	1.34		DGD	Thanh Yên		
19	11 Mô rộng trường THCS-THPT U Minh Thượng	DGD	1.59	1.33	0.26	LUK	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023

STT	Hạng mục		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
						DGD	Minh Thuận		Đổi tên từ Trường TH & THCS Minh Thuận 6 thành Trường Tiểu học Minh Thuận 6 theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND huyện U Minh Thượng về việc sáp nhập khối THCS của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thuận 6 vào Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thuận 2 và đổi tên và Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thuận 6 thành Trường Tiểu học Minh Thuận 6
	* Đất bãi thải, xử lý chất thải								
21	13 Bãi chứa và xử lý rác	DRA	3.40	3.40		DRA	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2022
	* Đất giao thông								
22	14 Đường ven sông Cái Lớn	DGT	3.49	3.49		DGT	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2021
	* Đất thủy lợi								
23	15 Trạm cấp nước Thạnh Yên A	DTL	0.2	0.2	0.2	LUC: 0,14 CLN: 0,06	Xã Thanh Yên A	Mặt bằng vị trí trạm cấp nước Thạnh Yên A	- Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng. - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023.

STT	Hạng mục		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
24	16	Trạm cấp nước xã An Minh Bắc	DTL 0.27		0.27	LU/C: 0.2 CLN: 0.07	xã An Minh Bắc	Mặt bằng vị trí trạm cấp nước An Minh Bắc	- Đăng ký mới 2024 - Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quỹ hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng. - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023.
25	17	Trạm cấp nước U Minh Thượng	DTL 3.7	3.7		DTL	Vĩnh Hòa		
26	18	Cổng kênh 3A	DTL 0.07	0.07		DTL	An Minh Bắc		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023
27	19	Cổng kênh 3B	DTL 0.15	0.15		DTL	An Minh Bắc		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023
28	20	Cổng kênh 18	DTL 0.05	0.05		DTL	An Minh Bắc		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023
	*	Đất ở tại nông thôn							
29	21	Khu tái định cư và dân cư thu nhập thấp	ONT 5.18 DGT 10.32	5.18 10.32		ONT DGT	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2022

STT	Hạng mục		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất			
30	Khu đô thị mới U Minh Thượng	ONT	4.52	4.52		ONT	Thanh Yên		Chuyển tiếp KHSDB năm 2022
		TMD	0.80	0.80		TMD			
		DKV	0.59	0.59		DKV			
		DRA	0.02	0.02		DRA			
		DGT	4.88	4.88		DGT			
		DCH	1.74	1.74		DCH			
*	Đất có di tích lịch sử - văn hoá (DDT)								
31	23 Khu di tích căn cứ Tỉnh uỷ	DDT	19.89	0.00	5.17 14.72	DVH DVH	An Minh Bắc Minh Thuận		Chuyển tiếp từ KHSDD 2023
*	Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH)								
32	24 Nhà văn hóa ấp Vĩnh Chánh	DSH	0.01		0.01	CLN	Hòa Chánh		Chuyển tiếp KHSDB năm 2023
	Đất giá (ONT, TMD)		2.96	2.96	0.00				
33	1 Đất giá đất TMD (khu trung tâm hành chính huyện)	TMD	2.86	2.86		TMD	An Minh Bắc		Chuyển tiếp KHSDB năm 2022
34	2 Đất giá đất ONT (Khu chợ Minh Thuận)	ONT	0.10	0.10		ONT	Minh Thuận		Chuyển tiếp KHSDB năm 2022
	2.5 Danh mục thuế đất		3.18	3.18					
35	1 Khu đất ấp Minh Tân	LUC	3.18	3.18		LUC	Minh Thuận	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc, hiện trạng loại đất ngày 02/10/2023	Đăng ký mới 2024

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP ĐỀ THỰC HIỆN TRONG KHSDĐ NĂM 2024
HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện U Minh Thượng)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Năm chuyển tiếp thực hiện	Năm đăng ký	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất				
*	Công trình, dự án thu hồi đất									
1	Cầu U Minh Thượng trên đường 965	DGT	1.68	1.50	0.18	LUC	Thanh Yên	2023	KHSDD 2020	Thực hiện xong phần xã An Minh Bắc, chuyển tiếp thực hiện phần xã Thanh Yên
2	Trạm 110KV U Minh Thượng và đường dây 110kV đầu nối	DNL	0.68		0.68	LUC: 0,53; CLN: 0,15	Thanh Yên	2022	KHSDD 2022	- Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất LUK thêm 0,19 ha theo Biên bản làm việc và việc bàn giao mốc theo phương án đề xuất của PC Kiên Giang Công trình: Trạm 110KV U Minh Thượng và Đường dây 110KV NRDN trạm 110KV U Minh Thượng; - Công văn số 2287/UBND-KT của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 20 tháng 11 năm 2023 V/v bổ sung diện tích thu hồi và điều chỉnh vị trí Trạm 110KV U Minh Thượng và đường dây 110KV NR đầu nối trạm 110KV U Minh Thượng; - Mạt bằng khảo sát
3	Trạm bơm tăng áp số 1	DTL	0.40		0.40	CLN	Vinh Hòa	2023	KHSDD 2023	
*	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất									
1	Chuyển mục đích trang trại chăn nuôi	NKH	0.96		0.96	LUC: 0,79; CLN: 0,17	Vinh Hòa	2022	KHSDD 2022	Thực hiện xong phần xã Thanh Yên và Thanh Yên A, chuyển tiếp thực hiện phần xã Vinh Hòa
*	Công trình giao đất									
1	Trường bán U Minh Thượng	CQP	3.40		3.40	LUK	Thanh Yên	2023	KHSDD 2023	Điều chỉnh thành danh mục giao đất
2	Khu di tích căn cứ Tỉnh uỷ	DDT	19.89	0.00	5.17 14,72	DVH: 5,17 DVH: 14,72	An Minh Bắc Minh Thuận	2023	KHSDD 2020	Điều chỉnh thành danh mục giao đất
3	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Chánh	DSH	0.01		0.01	CLN: 0,01	Hòa Chánh	2023	KHSDD 2020	Điều chỉnh thành danh mục giao đất
4	Trụ sở làm việc công an xã Minh Thuận	CAN	0.19	0.19		CAN: 0,19	Minh Thuận	2021	KHSDD 2021	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Năm chuyển tiếp thực hiện	Năm đăng ký	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất				
5	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (Viễn thông U Minh Thượng)	DBV	0.28	0.28		DBV: 0,28	An Minh Bắc	2021	KHSDD 2021	
6	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện U Minh Thượng	DVH	3.20	3.20		DVH: 3,20	An Minh Bắc	2021	KHSDD 2021	
7	Khu lưu niệm Sô Chi huy các lực lượng vũ trang tỉnh Kiên Giang	DVH	8.54	8.54		DVH	Thanh Yên	2021	KHSDD 2019	Đã thực hiện thu hồi đất, chuyển sang giao đất
8	Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng	DYT	4.57		4.57	LUC: 4,57	Thanh Yên	2021	KHSDD 2019	
9	Trường Mầm non Hoa Mai	DGD	1.82	1.82		LUK: 1,82	Thanh Yên	2022	KHSDD 2022	
10	Trường Mầm non Vinh Hòa	DGD	0.08	0.08		DGD: 0,08	Vinh Hòa	2021	KHSDD 2021	
11	Bãi chứa và xử lý rác	DRA	3.40	3.40		DRA: 3,40	Thanh Yên	2022	KHSDD 2017	
12	Trạm cấp nước xã An Minh Bắc	DTL	0.27		0.27	LUC: 0,2 CLN: 0,07	An Minh Bắc	2023	KHSDD 2023	- Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng.
13	Trạm cấp nước U Minh Thượng	DTL	3.7	3.7		DTL	Vinh Hòa			
14	Trường tiểu học Phạm Văn Hôn	DGD	1.34	1.34		DGD	Thanh Yên			
15	Trường Tiểu học Minh Thuận 6	DGD	0.55	0.55		DGD	Minh Thuận			Đổi tên từ Trường TH & THCS Minh Thuận 6 thành Trường Tiểu học Minh Thuận 6 theo Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND huyện U Minh Thượng về việc sáp nhập khối THCS của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thuận 6 vào Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thuận 2 và đổi tên và Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thuận 6 thành Trường Tiểu học Minh Thuận 6

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Năm chuyển tiếp thực hiện	Năm đăng ký	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất				
16	Mở rộng tương THCS-THPT U Minh Thượng	DGD	1.33	1.33		LUK	Thanh Yên	2023	2023	- Đang thực hiện thủ tục cấp GCNQSDP - Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện U Minh Thượng về việc thu hồi đất hộ gia đình cá nhân tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước;
17	Công kênh 3A	DTL	0.07	0.07		DTL	An Minh Bắc	2023	2023	
18	Công kênh 3B	DTL	0.15	0.15		DTL	An Minh Bắc	2023	2023	
19	Công kênh 18	DTL	0.05	0.05		DTL	An Minh Bắc	2023	2023	
20	Đường ven sông Cái Lớn	DGT	3.49	3.49		DGT	Thanh Yên	2021	2018	Đã thực hiện thu hồi đất, chuyển sang giao đất
21	Khu tái định cư và dân cư thu nhập thấp	ONT	5.18	5.18		ONT	Thanh Yên	2022	KHSDP 2017	Điều chỉnh thành danh mục giao đất
		DGT	10.32	10.32		DGT				
		ONT	4.52	4.52		ONT				
		TMĐ	0.80	0.80		TMĐ				
22	Khu đô thị mới U Minh Thượng	DKV	0.59	0.59		DKV	Thanh Yên	2022	KHSDP 2017	Điều chỉnh thành danh mục giao đất, cập nhật bổ sung QH chi tiết 1/500
		DRA	0.02	0.02		DRA				
		DGT	4.88	4.88		DGT				
		DCH	1.74	1.74		DCH				
*	Công trình đầu giá									
1	Đầu giá đất TMĐ (khu trung tâm hành chính huyện)	TMĐ	2.86	2.86		TMĐ	An Minh Bắc	2022	KHSDP 2022	
2	Đầu giá đất ONT (Khu chợ Minh Thuận)	TMĐ	0.10	0.10		ONT	Minh Thuận	2022	KHSDP 2022	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI TRONG KHSDĐ NĂM 2024
HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện U Minh Thượng)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Hình thức	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
*	Danh mục công trình thu hồi đất								
1	Hồ nước Xẻo Kề kết hợp bãi chứa đất nạo vét và kênh thủy lợi thoát nước	DTL		60.0		60.0	LUC: 48.0 CLN: 11.7 ONT: 0.3	Thanh Yên	- Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; - Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thông nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng. - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023. - Công văn số 287/BQLDA-KHKT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký danh mục dự án trình Hội đồng thẩm định thông qua đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: - Mặt bằng tổng thể vị trí hồ chứa nước Xẻo Kề, Bãi chứa đất và Kênh Đào Mới;
2	Trạm cấp nước xã Minh Thuận	DTL		0.35		0.35	LUC: 0.27 CLN: 0.08	Minh Thuận	- Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; - Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thông nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng. - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023. - Công văn số 287/BQLDA-KHKT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký danh mục dự án trình Hội đồng thẩm định thông qua đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: - Mặt bằng vị trí trạm cấp nước Minh Thuận 2

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Hình thức	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
3	Trạm cấp nước Vĩnh Hòa	DTL		0.26		0.26	LUC: 0,23 CLN: 0,03	Vĩnh Hòa	- Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; - Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng; - Công văn số: 165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023. - Công văn số 287/BQLDA-KHKT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký danh mục dự án trình Hội đồng thẩm định thông qua đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; - Mặt bằng vị trí trạm cấp nước Vĩnh Hòa
4	Dự án Bãi chứa đất nạo vét kênh Xẻo Cạn huyện U Minh Thượng	DTL		9.0		9.0	LUC: 9,0	Thanh Yên	- Thông báo số 70/TB-VP ngày 07/02/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nhân tại buổi làm việc nghe báo cáo khô khan, vướng mắc trong việc thực hiện dự án ICRSL và hệ thống điện lưới để vận hành các cống trên tuyến đê biển An Biên, An Minh - Thông báo số 491/TB-VP ngày 26/05/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nhân tại buổi khảo sát thực địa dự án Nạo vét kênh Xẻo Cạn và đầu tư một số hạng mục thuộc Vườn Quốc gia U Minh Thượng
*	Danh mục công trình giao đất								

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Hình thức	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
									- Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; - Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện U Minh Thượng về việc thông nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện U Minh Thượng. - Công văn số 113165/BQLDA-KHKT ngày 16 tháng 06 năm 2023 của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang năm 2023. - Công văn số 287/BQLDA-KHKT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký danh mục dự án trình Hội đồng thẩm định thông qua đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; - Mật bằng vị trí trạm cấp nước Thạnh Yên A
*	Danh mục thuế đất								
6	Khu đất ấp Minh Tân	LUC	3.18	3.18			LUC	Minh Thuận	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc, hiện trạng loại đất ngày 02/10/2023
7	Xây dựng trụ anten dây co 42M, thay thế trụ cũ yêu trạm Viễn Thông Minh Thuận-U Minh Thượng-VNPT Kiên Giang năm 2022	DBV		00000		00000	TSC: 0,02	Minh Thuận	- Quyết định số 2257/QĐ-VNPTKG ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tập đoàn Bưu Chính - Viễn Thông Việt Nam về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng trụ anten dây co 42M, thay thế trụ cũ yêu trạm Viễn Thông Minh Thuận-U Minh Thượng-VNPT Kiên Giang năm 2022; - Công văn số 1567/VNPT-KGG ngày 28 tháng 08 năm 2023 của Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện công trình/ dự án: "Xây dựng nhà trạm lắp đặt thiết bị và cột anten viễn thông trạm Minh Thuận". - Tờ trích đo địa chính số: TD 155-2022 (128-147) do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang duyệt ngày 28 tháng 10 năm 2022.